

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2017

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quý Minh Ánh
2. Ông Tạ Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa: Bà Luân Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2017, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2017/HN&GD - ST ngày 21/4/2017 về Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐXX- ST ngày 15 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2017/QĐST – HN&GD ngày 30 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị M, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh Lưu Văn Ph, sinh năm 1976

Đều trú quán: Xóm Cầu Dài, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
(có mặt chị M, vắng anh Ph không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/4/2017, biên bản hòa giải và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tô Thị M trình bày:

Chị và anh Ph chung sống với nhau từ năm 2000, có tình cảm nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, lý do không đăng ký kết hôn do vợ chồng mãi làm ăn, sau này do công việc nên cũng không nghĩ phải đăng ký nữa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn nặng nề, Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn với gia đình nhà chồng, bố mẹ chồng với con dâu và anh em nhà chồng không có sự hòa hợp liên

quan đến việc bố mẹ chồng cho đất thổ cư, vợ chồng chị kê khai để cấp QSD rồi bố mẹ chồng và anh em nhà chồng đòi lại, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn dẫn đến xô sát giữa con dâu với mẹ chồng. Tháng 8/2016 mẹ chồng chị có đuổi ra khỏi nhà, mặc dù vợ chồng chị ở riêng không liên quan gì đến bố mẹ chồng, do vậy chị không đi khỏi nhà. Về phía anh Ph luôn gây bạo lực, đánh đập chị vô cớ, đêm không cho chị ngủ mà còn lôi dậy để đánh chửi thậm tệ, chị không hiểu nguyên nhân gì anh đánh chị. Kể từ thời điểm mâu thuẫn đến nay tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng ly thân về tình cảm, không ai quan tâm đến ai, từ tháng 01/2017 vợ chồng ăn riêng, chị chỉ nấu ăn cho các con rồi đi làm, anh Ph cũng không có ý kiến gì, mâu thuẫn của vợ chồng chị càng ngày càng nặng nề mà không thể đoàn tụ được, vì lo sợ sẽ làm ảnh hưởng đến việc học của các con nên chị cố gắng nhẫn nhịn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có hai con chung

1. Lưu Văn H, sinh ngày 20/10/2001;
2. Lưu Văn Đ, sinh ngày 12/4/2005.

Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Phụng cấp dưỡng nuôi các con chung. Tuy nhiên, chị vẫn đề nghị Tòa án hỏi ý kiến các cháu, nếu các cháu đồng ý ở với ai đề nghị giao cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự hòa thuận.

Về tài sản chung:

Vợ chồng có đất thổ cư và đất vườn diện tích 1420m², trong đó đất ở = 600 m²; đất trồng cây lâu năm 820 m² giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng, nguồn gốc do bố mẹ chồng cho, trên đất có nhà xây 3 tầng nhưng chưa sơn hoàn thiện, tài sản là đồ dùng sinh hoạt gia đình. Ngoài ra vợ chồng có đất canh tác đều được Nhà nước cấp QSD giấy chứng nhận mang tên hai vợ chồng diện tích 1154m² số giấy chứng nhận QSD đất số CA 450212 cấp ngày 07/12/2015 (nguồn gốc cũng do bố mẹ chồng tặng cho). Theo đơn khởi kiện ban đầu chị đề nghị chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết và hòa giải chị đã có đơn rút yêu cầu không đề nghị Tòa án chia tài sản là chia đất thổ cư, đất canh tác, chỉ yêu cầu anh Ph trích chia công sức xây nhà và tài sản đồ dùng do cả hai mua sắm, chị yêu cầu trả bằng tiền.

Về nợ chung cho vay chung: Theo đơn khởi kiện ban đầu chị kê khai các khoản nợ với em chồng anh Lưu Văn Th số tiền 20.000.000đ; em gái anh Phụng chị Lưu Thị L số tiền 13.000.000đ; chị gái ruột Tô Thị Đ số tiền 30.000.000đ; em trai Tô Văn Q số tiền 20.000.000đ, nay ly hôn chị gái và em

traí ruột chị không yêu cầu đòi vợ chồng phải trả ngay khoản nợ này, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án. Các khoản khác đã kê khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2017 bị đơn anh Lưu Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn như chị M trình bày là hoàn toàn đúng. Vợ chồng anh, chị chung sống với nhau từ năm 2000, do cuộc sống khó khăn, vợ chồng mãi làm ăn nên quên cả việc phải đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 có xích mích nhỏ, không mâu thuẫn như chị M trình bày, thậm chí anh luôn bị chị M chửi bậy và nói anh là chó, không tôn trọng chồng, nhưng không có việc đánh nhau và anh không đánh chị Mận. Từ đầu năm 2017 đến nay vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng ly thân về tình cảm, không ai nói chuyện với ai, thậm chí chị M còn ăn riêng. Nhiều lần anh muốn nói chuyện để vợ chồng bỏ qua lỗi lầm cho nhau đoàn tụ cho hai con đỡ khổ, nhưng chị M lại quát và đuổi anh, không cho trình bày. Anh mong Tòa án làm công tác hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung:

Vợ chồng có hai con chung như chị M trình bày, hiện các con vẫn ở cùng nhà với bố mẹ, do không đồng ý ly hôn nên anh không đề nghị gì về con chung. Trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

Vợ chồng có đất thổ cư do bố mẹ anh cho, hiện nay đang làm thủ tục tách đất cho các con nên không có giấy chứng nhận để xuất trình, trên đất có một nhà cấp 3 hai tầng 01 tum chống nóng, xây dựng năm 2011, đến nay chưa hoàn thiện; Đất canh tác 3 mảnh do bố mẹ tặng cho giấy chứng nhận tên hai vợ chồng. Ngoài ra còn có đồ dùng sinh hoạt, anh chị sẽ có văn bản kê khai riêng. Nay chị M có đơn ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản, anh đồng ý chia nhà và tài sản trên đất, còn đất của bố mẹ cho không đồng ý chia.

Về nợ chung: Việc nợ anh em như chị M trình bày là đúng, anh, chị gái và em trai chị M do tự vay, tự cầm tiền anh không biết, nợ em trai và em gái anh là đúng nhưng không yêu cầu gì, chỉ mong chị M suy nghĩ vợ chồng đoàn tụ. Khi làm nhà anh phải vay mượn bạn bè và anh em, đồng thời xây nhà còn nợ tiền công và các bát phường do vợ chồng chơi đã lấy tiền trước, nhưng do không

đồng ý ly hôn nên anh không kê khai và đề nghị.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

-Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15 Điều 16, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

Chấp nhận đơn tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị M và anh Lưu Văn Ph.

- Về con chung: Giao con chung Lưu Văn Đ, sinh ngày 12/4/2005 cho chị Tô Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao con chung Lưu Văn H, sinh ngày 20/10/2001 cho anh Lưu Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên. Đôi bên có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền thăm gặp con chung.

- Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị M rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 244 BLTTDS: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn.

- Về nợ chung, các khoản cho vay chung: không yêu cầu giải quyết.

Án phí Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH buộc chị Mận phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án chị Tô Thị M là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật có mặt tại các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tiến hành. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ph là bị đơn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ph đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, nhưng không tham gia tố tụng. Vì vậy, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tô Thị M và anh Lưu Văn Ph xác lập qua hệ hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2000, được 2 bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình chung sống đến nay, chị M, anh Ph vẫn không đi đăng ký kết hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 02 tháng 06 năm 2017 của Tòa án với cán bộ Tư pháp, hộ tịch xã Thành Công, phụ trách việc đăng ký kết hôn, được cung cấp: Qua kiểm tra sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn thể hiện không có tên và danh sách của chị M và anh Ph trong sổ lưu đăng ký kết hôn do UBND xã Thành Công quản lý. Điều đó thể hiện chị M, anh Ph không có đăng ký kết hôn và đến thời điểm này vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1, điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Khoản 2 điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*.

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Việc chung sống giữa chị M và anh Ph không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị M có đơn xin ly hôn với anh Ph, anh Ph không đồng ý. Xong căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn ở trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị M và anh Lưu Văn Ph.

[3]. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị M và anh Ph có hai con chung

1. Lưu Văn H, sinh ngày 20/10/2001;
2. Lưu Văn Đ, sinh ngày 12/4/2005.

Quá trình giải quyết vụ án cả chị M và anh Ph đều có nguyện vọng nuôi các con chung. Tại các bản tự khai về nguyện vọng của con chung ngày 09/6/2017 cháu Lưu Văn H có nguyện vọng được ở với bố là anh Lưu Văn Ph; cháu Lưu Văn Đ có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, theo quy định của khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 thì đối với con từ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con chung. Như vậy, các cháu có nguyện vọng thì cần phải xem xét nên chấp nhận giao mỗi người nuôi dưỡng một con chung để đảm bảo quyền lợi của cả hai bên khi chấm dứt quan hệ hôn

nhân. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra khi các bên đương sự không có yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung:*

Tại phiên tòa hôm nay chị M rút yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 244 BLTTDS: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn trong vụ kiện.

Đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung trong vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. *Về nợ chung, các khoản cho vay chung:*

Đối với khoản nợ như chị M trình bày: Tòa án có thông báo cho những người liên quan chị Tô Thị Đ, anh Tô Văn Q, đều có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với khoản nợ của anh Lưu Văn Th, chị Lưu Thị L, anh Th được thông báo nhưng không có yêu cầu giải quyết, chị Lam hiện không có mặt tại địa phương. Khoản tiền phường và số nợ phường không yêu cầu. Tòa án có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng đối với anh Ph để yêu cầu cung cấp tên, tuổi, địa chỉ của những người trong hội chơi phường, nhưng anh Phượng không cung cấp. Do đó HĐXX không xem xét, các khoản nợ gia đình anh Ph không yêu cầu và cũng không có đơn đề nghị, cần tách ra khi các đương sự đơn đề nghị được thì giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

[6]. *Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:* Chị M đã nộp tạm ứng chi phí số tiền 3000.000đ đã chi phí hết, chị M có đơn rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và tại phiên tòa không có ý kiến gì. Do đó, HĐXX không xem xét.

[7]. *Về án phí:* Nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8]. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 Điều 244, Điều 266, Điều 482, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 Điều 51, khoản 2 Điều 53, điều 81, 82, 83, 84, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung của chị Tô Thị M với anh Lưu Văn Ph.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị M với anh Lưu Văn Ph.

2. *Về con chung*: Giao con chung Lưu Văn Đ, sinh ngày 12/4/2005 cho chị Tô Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao con chung Lưu Văn H, sinh ngày 20/10/2001 cho anh Lưu Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên. Đôi bên có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền thăm gặp con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, hoặc đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về phân chia tài sản*: Chị M có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của nguyên đơn trong vụ kiện.

Đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung trong vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. *Về nợ chung, các khoản cho vay chung*: Không yêu cầu giải quyết.

5. *Về Án phí*: Chị Tô Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị Mận được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tại biên lai số 0009504 ngày 21/4/2017 số tiền 7.800.000đ, chị M được hoàn trả 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn).

6. *Quyền kháng cáo*:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị M. Báo cho biết đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

